

Số: 12/2018/QĐST – HNGĐ

Chiêm Hoá, ngày 22 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 186/2016/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2016 giữa:

- *NgU đơn*: Chị Ngô Thị Lan H, sinh năm 1980.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1974.

Cùng ĐKKHKT: Thôn Tham Kha, xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa, tỉnh TU Quang; ĐK tạm trú: Tổ Trung Tâm 1, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh TU Quang.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 38, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa**: Chị Ngô Thị Lan H và anh Trần Văn T.

2. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

* Về con chung: Chị Ngô Thị Lan H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần T N, sinh ngày 13/9/2003, theo nguyện vọng của con (Cháu N đang ở cùng với chị H). Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền được đi lại thăm nom con chung sau ly hôn.

Đối với cháu Trần Thu U, sinh ngày 04/10/1999 do đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản chung: Anh Trần Văn T được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tại tổ Trung Tâm 1, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh TQ Quang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 434741 ngày 30/6/2014 do UBND huyện Chiêm Hóa cấp, đứng tên người sử dụng là hộ ông Trần Văn T và bà Ngô Thị Lan H. Nhà và đất nêu trên anh T và chị H cùng xác định trị giá là 700.000.000^d (*bảy trăm triệu đồng*), tài sản chung anh T đang trực tiếp quản lý.

- Anh Trần Văn T được hưởng 1/2 trị giá tài sản chung tương ứng số tiền là 350.000.000^d (*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

- Chị Ngô Thị Lan H được hưởng 1/2 trị giá tài sản chung tương ứng số tiền là 350.000.000^d (*ba trăm năm mươi triệu đồng*) do anh Trần Văn T có nghĩa vụ thanh toán. Thời hạn anh T thanh toán xong số tiền trên cho chị H vào ngày 30/01/2018 (dương lịch).

Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai với cấp có thẩm quyền về việc tách quyền sử dụng đất và sở hữu nhà đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 434741 do UBND huyện Chiêm Hóa cấp ngày 30/6/2014 giữa ông Trần Văn T và bà Ngô Thị Lan H.

Đối với Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

* Về nợ chung: Không còn nợ chung.

* Về án phí: Chị Ngô Thị Lan H nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng giá trị tài sản được hưởng là 8.750.000^d (*tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng cộng chị H phải chịu 8.900.000^d (*tám triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền án phí.

Anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng giá trị tài sản được hưởng là 8.750.000^d (*tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Ngô Thị Lan H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 36.290.000^d (*Ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*), theo biên lai số 0002069 ngày 29/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, được khấu trừ 8.900.000^d (*tám triệu chín trăm nghìn đồng*) chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng giá trị tài sản được hưởng (*chị H đã nộp đủ tiền án phí*).

Trả lại cho chị Ngô Thị Lan H số tiền 27.390.000^d (*hai mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*) do nộp tiền tạm ứng án phí còn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Trung Hòa (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN

Lục Thị Chiêm